

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19/7/2025

Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Giới

Bà Vũ Thị Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10
- Đồng Nai

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên
tòa:** Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thị xã B
(nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai), xét xử sơ thẩm công khai vụ
án thụ lý số: 29/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp:
Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ
ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-
HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (Vắng mặt, có đơn xin
xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Cao Tiến T1, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 06, khu phố X, phường A, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án,
nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Tiến T1 sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện
chung sống vào năm 2010 và đăng ký kết hôn lần thứ hai vào ngày 04/3/2010, tại
Ủy ban nhân dân phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân
phường A, tỉnh Đồng Nai). Sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị T và ông Cao Tiến
T1 cùng chung sống với nhau tại tổ 06, khu phố X, phường A, tỉnh Đồng Nai.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T1 không thường xuyên ở nhà nên không có nhiều thời gian quan tâm vợ con, hiện nay bà T và ông T1 không còn chung sống cùng nhau nữa. Nay bà T thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn xin ly hôn với ông Cao Tiến T1 .

Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị T và ông Cao Tiến T1 có 01 con chung tên Cao Thị Cẩm N, sinh ngày 29/12/2012. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị T có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cao Thị Cẩm N, sinh ngày 29/12/2012, đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Bà T rút yêu cầu về việc cấp dưỡng, bà T không yêu cầu ông Cao Tiến T1 cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, bị đơn ông Cao Tiến T1 vắng mặt tại phiên tòa.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập ông Cao Tiến T1 lên làm việc, viết bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để làm cơ sở giải quyết vụ án, nhưng ông Cao Tiến T1 không có mặt tại Tòa án để làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Đồng thời, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông Cao Tiến T1 tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông T1 không tham gia, không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2025, tại khu phố X, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là khu phố X, phường A, tỉnh Đồng Nai) xác định: Ông Cao Tiến T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 06, khu phố X, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là tổ 06, khu phố X, phường A, tỉnh Đồng Nai). Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Tiến T1 hiện nay vẫn còn chung sống với nhau, tuy nhiên ông T1 thường xuyên đi làm việc xa nhà, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Cao Tiến T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 06, khu phố X, phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là Tổ 06, khu phố X, phường A, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

Ông Cao Tiến T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Cao Tiến T1 sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2010, tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là Ủy ban nhân dân phường A, tỉnh Đồng Nai), theo đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Cao Tiến T1 là hợp pháp, đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị T và ông Cao Tiến T1 kết hôn với nhau nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng quá trình chung sống ông, bà bất đồng quan điểm không còn thương yêu nhau, quan tâm, trách nhiệm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nay bà Nguyễn Thị T không muốn hàn gắn gia đình mà yêu cầu ly hôn với ông Cao Tiến T1 để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T ly hôn với chồng ông Cao Tiến T1.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị T có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Cao Thị Cẩm N, sinh ngày 29/12/2012, đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ngày 25/6/2025, bà Nguyễn Thị T có đơn xin thay đổi rút một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng, cụ thể bà T rút yêu cầu về việc ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng đối với con chung đến khi đủ 18 tuổi. Bà T xác định không yêu cầu ông Cao Tiến T1 cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Việc rút một phần yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con của bà T là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và ghi nhận trong bản án.

Nhận thấy từ khi bà Nguyễn Thị T và ông Cao Tiến T1 xảy ra mâu thuẫn, ông T1 thường xuyên vắng nhà, cháu Nhung do bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến nay, bà Nguyễn Thị T có công

việc và thu nhập ổn định. Tại bản tự khai ngày 05/6/2025, cháu Cao Thị Cẩm N có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi ba và mẹ ly hôn. Xét quyền lợi chính đáng về mọi mặt của con, bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng là phù hợp hơn ông Cao Tiến T1 và phù hợp theo quy định của pháp luật tại các Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, giao con chung tên Cao Thị Cẩm N, sinh ngày 29/12/2012 cho bà Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Cao Tiến T1.

- Về con chung: Giao con chung tên Cao Thị Cẩm N, sinh ngày 29/12/2012 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Ông Cao Tiến T1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản, cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002752 ngày 10/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai).

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đồng Nai;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Ngọc Mai Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Giới

Vũ Thị Dung

Trần Ngọc Mai Phương